



# BẢN TIN ISG

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ QUỐC TẾ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

## Bộ trưởng Cao Đức Phát gặp mặt các nhà tài trợ

Nhân dịp năm mới Đinh Hợi 2007, ngày 8 tháng 2 năm 2007, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức buổi Gặp mặt đầu Xuân với toàn thể các nhà tài trợ để nhìn lại những công việc đã đạt được trong năm qua, và cũng là để cảm ơn cộng

(tiếp trang 3)



## Hội nghị Ban điều hành ISG lần thứ 13

Ngày 8 tháng 2 năm 2007, tại Bộ Nông nghiệp và PTNT, Hội nghị lần thứ 13 của Ban điều hành Chương trình Hỗ trợ Quốc tế (ISG) đã được tổ chức dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bùi Bá Bổng, Chủ tịch BDH ISG.

Tham dự Hội nghị có các thành viên là các Cục/Vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT, các đại sứ quán và các tổ chức quốc tế, trong đó có AusAID, Đại sứ quán Hà Lan, Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy sỹ (SDC), Thụy điển, IFAD, Đại sứ quán Nhật bản, và Ngân hàng Thế giới.

Theo thông lệ của ban điều hành ISG, Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm phát triển nông nghiệp, nông thôn trong năm 2006 đã được trình bày tại Hội nghị để chia sẻ thông tin với các nhà tài trợ. Báo cáo do Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Bộ NN và PTNT trình bày theo sự uỷ quyền của Chủ tịch BDH.

Báo cáo nêu tóm tắt việc thực hiện các chương trình trọng điểm thực hiện trong năm 2006, bao gồm Hiện đại hoá nông nghiệp; Phát triển ngành chế biến nông lâm sản; Đầu tư vào hạ tầng nông thôn; Tăng cường phòng chống giảm nhẹ thiên

tai; và Phát triển nông thôn mới.

Báo cáo cũng nêu lên một số Kết quả đạt được và định hướng cơ bản cho năm 2007 với các biện pháp ưu tiên sau:

- ◆ Thúc đẩy mạnh mẽ việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ, hệ thống cung cấp dịch vụ kỹ thuật
- ◆ Đổi mới phương thức giám sát đánh giá đầu tư, tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ nguồn của Nhà nước, chống thất thoát, dàn trải, kéo dài; huy động cao các nguồn vốn khác đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.
- ◆ Chương trình xúc tiến thương mại, hội

nhập kinh tế quốc tế

- ◆ Chương trình đào tạo nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
  - ◆ Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới và tăng cường công tác quản lý nhà nước.
- Tại Hội nghị, các thành viên cũng được nghe Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế giới thiệu về Kế hoạch Hợp tác Quốc tế giai đoạn 2006-2010. Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở tham vấn rộng rãi các chủ thể liên quan cả trong nước và quốc tế. Quá trình xây dựng kế hoạch đã áp dụng phương pháp tiếp cận khung logic với sự hỗ

(tiếp trang 3)

## Đối tác về phòng chống dịch cúm gia cầm và cúm ở người

Ngày 1 tháng 11 năm 2006 tại Bộ NN& PTNT đã diễn ra lễ ký thoả thuận về thành lập Khung Đối tác về phòng chống dịch cúm gia cầm và cúm ở người (PAHI). Tham dự và ký vào thoả thuận có đại diện của 18 nhà tài trợ, đối tác đang tích cực tham gia vào công cuộc phòng chống dịch cúm gia cầm ở thế giới cũng như Việt Nam, trong đó có ADB, EC, FAO, UNDP, UNICEF, WHO, WB và các nhà tài trợ song phương và một số tổ chức quốc tế của Hoa Kỳ, Hà Lan, Đan Mạch, Canada, Phần Lan, New Zealand, Úc, CIRAD và một số tổ chức phi chính phủ như Plan, Care International, v.v.

Đối tác được thiết lập nhằm hỗ trợ thực hiện Chương trình phối hợp hành động quốc

(tiếp trang 2)

### Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp

Hà Nội, ngày 30/1/2007: Hội nghị thường niên của Ban Điều hành Đối tác Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp (tên viết tắt là FSSP) được tổ chức dưới sự chủ trì của Ông Hứa Đức Nhị, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch Ban Điều hành FSSP và ông Michel Evequoz, Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Thụy sỹ, Đồng chủ tịch. Mục đích của Hội nghị là: (I) Chia sẻ thông tin hoạt động của ngành lâm

nghiệp trong năm 2006; (II) Cập nhật về những thay đổi trong năm 2006 của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP); (III) Chia sẻ thông tin về chính sách hỗ trợ của một số đối tác; và (IV) thảo luận về việc chuẩn bị cho Diễn đàn Đối tác đầu tiên, dự kiến được tổ chức vào tháng 5/2007.

Tham dự hội nghị gồm có hơn 70 đại biểu đại diện cho các cơ quan quản lý ở trung ương, các tỉnh (là đại diện các

mạng lưới lâm nghiệp vùng), các nhà tài trợ đa phương và song phương, các tổ chức phi chính phủ quốc tế. Đặc biệt lần đầu tiên có sự góp mặt của một số đại biểu đại diện cho khu vực kinh tế tư nhân.

Thông tin chi tiết về kết quả Hội nghị cũng như các nội dung trình bày tại Hội nghị, xin vào trang web của FSSP: [http://www.vietnamforestry.org.vn/PSC\\_vn.html](http://www.vietnamforestry.org.vn/PSC_vn.html)

### Đối tác giảm nhẹ thiên tai

Đối tác Giảm nhẹ thiên tai phối hợp với Trung tâm Quản lý và Giảm nhẹ thiên tai đang hỗ trợ UNICEF trong việc tổ chức nghiên cứu các chỉ số đánh giá trong thảm họa theo cam kết về quyền trẻ em. Nội dung của nghiên cứu này là xem xét các hệ thống thu thập quản lý dữ liệu thiên tai hiện tại và bộ chỉ số theo cam kết về quyền trẻ em. Từ đó đưa ra những đề xuất ban đầu về việc bổ sung những chỉ số trẻ em vào hệ thống thống kê hiện tại bao gồm cả những khuyến nghị về hệ thống, phương pháp, nguồn thông tin. Tham gia nghiên cứu này có các chuyên

gia của Trung tâm quản lý và giảm nhẹ thiên tai, Cục Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão - Bộ NN-PTNT, Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế, UNDP và UNICEF. NDMP giữ vai trò điều hành và hỗ trợ nhóm nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu và những đề xuất sơ bộ của nhóm chuyên gia sẽ được tham vấn rộng rãi thông qua hội thảo, với sự tham gia của các ngành cấp trung ương, địa phương và các tổ chức quốc tế có liên quan đến vấn đề trẻ em và thiên tai. Các đại biểu sẽ thảo luận về tính phù hợp và

khả thi của các chỉ số và giải pháp, làm cơ sở cho việc tiến hành thử nghiệm và mở rộng lồng ghép các chỉ số trẻ em trong các hệ thống theo dõi đánh giá thiệt hại và nhu cầu cứu trợ thiên tai hiện hành.

Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần bổ sung và hoàn thiện hệ thống thông tin theo dõi đánh giá, tăng cường quan tâm đến trẻ em, đối tượng dễ bị tổn thương trong thiên tai. Việc tham gia hỗ trợ của Đối tác giúp tăng cường hợp tác, nâng cao năng lực và hiệu quả của các tổ chức trong nước và quốc tế trong lĩnh vực giảm nhẹ thiên tai.

### Đối tác Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn

#### Thông tin chung

Cuộc họp lần thứ nhất của Ban chỉ đạo (BCĐ) Quan hệ Đối tác cấp nước và Vệ sinh Nông thôn đã được tổ chức ngày 4 tháng 12 năm 2006 để thông qua các tài liệu và kế hoạch sau: (I) Qui chế hoạt động của Ban chỉ đạo; (II) Hướng dẫn quản lý Văn phòng điều phối; (III) Kế

hoạch công tác năm 7/2006-12/2007; (IV) Kế hoạch Ngân sách cho giai đoạn khởi động 7/2006 -6/2008 và một số công việc khác liên quan.

#### Thông tin về hoạt động

Từ kế hoạch đã được phê duyệt, một số hoạt động ưu tiên đã được khởi động:

- ♦ Theo dõi và đánh giá: Để tạo diễn đàn

cho các bên tham gia để xây dựng và hoàn thiện một hệ thống Theo dõi và Đánh giá (M&E) cho lĩnh vực cấp nước và vệ sinh nông thôn dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo QHĐT, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT đã có quyết định số 182/QĐ-BNN-TL ngày 22/01/2007 thành lập Nhóm

(tiếp trang 3)

### Đối tác về phòng chống dịch cúm gia cầm và cúm ở người

(tiếp theo trang 1)

gia về phòng chống dịch cúm gia cầm và cúm ở người giai đoạn 2006 - 2010 (còn được gọi "Sách xanh"). Với việc hỗ trợ nâng cao hiệu quả nguồn đầu tư cho phòng chống dịch bệnh, chia sẻ thông tin, tăng cường đối thoại chính sách và hỗ trợ cho các nhóm công tác chuyên đề, Đối tác sẽ là một diễn đàn quan trọng, là cầu nối hiệu quả giữa các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế và các cơ quan trong nước. Đồng thời thông qua Đối tác, việc chia sẻ thông tin và

kinh nghiệm với các nước khác cũng được tăng cường.

Để triển khai các hoạt động của Đối tác, tháng 2 năm 2007 UNDP đã tuyển dụng và bổ nhiệm ông Davide Payne làm chuyên gia điều phối để thực hiện các hoạt động của PAHI. Ngày 6/3/007 Bộ trưởng Bộ NN&PTNT cũng đã bổ nhiệm Ông Lê Văn Minh, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Giám đốc PAHI và bà Nguyễn Thị Minh

Châu, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Y tế làm Phó Giám đốc PAHI và quyết định đặt Văn phòng tại Bộ NN&PTNT, số 2 Ngọc Hà, Hà Nội. Trong thời gian tới, việc tuyển chọn chuyên gia trong nước sẽ được thực hiện (hiện đã hoàn thiện TOR cho 03 vị trí của Ban thư ký Đối tác). Quy chế hoạt động của Đối tác cũng như kế hoạch hoạt động của PAHI cũng đang được dự thảo. Theo dự kiến, trong tháng 4/2007 Đối tác sẽ ra mắt và đi vào hoạt động.



## Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp đến 2020

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vừa phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020, trong đó đặt mục tiêu đến năm 2020, GDP của ngành lâm nghiệp chiếm khoảng 2-3% GDP quốc gia. Chiến lược cũng đặt mục tiêu đến năm 2020, ngành lâm nghiệp quản lý, phát triển và sử dụng bền vững trên 16,2 triệu ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp; nâng tỷ

lệ đất có rừng lên 42-43% vào năm 2010 và 47% vào năm 2020; giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng từ 3,5% đến 4%/năm.

Việc xây dựng chiến lược này nhằm phát triển và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

## Phê duyệt Chiến lược quốc gia sau thu hoạch lúa gạo, ngô, đậu tương và lạc đến năm 2020

Ngày 15 tháng 3 năm 2007, Bộ trưởng Bộ NN và PTNT đã ký Quyết định số 20/2007/QĐ-BNN về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia sau thu hoạch lúa gạo, ngô, đậu tương và lạc đến năm 2020. Chiến lược này đặt mục tiêu chung là "tăng hiệu quả sản xuất và kinh doanh các ngành hàng lúa gạo, ngô, đậu tương và lạc thông qua giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của

sản phẩm; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn; giải quyết việc làm, tăng thu nhập của nông dân và những người tham gia hoạt động trong lĩnh vực sau thu hoạch. Góp phần đảm bảo an ninh lương thực hộ gia đình, cải thiện tình hình dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm".

Chiến lược cũng đặt ra các mục tiêu cụ thể cho từng thời kỳ:

Thời kỳ 2006-2010	Thời kỳ 2011-2020
1. Giảm tổn thất lúa xuống còn 9-10%; tăng tỷ lệ thu hồi gạo thành phẩm lên 65-66%; tăng tỷ trọng xuất khẩu gạo 5-10% tằm lên trên 50% tổng khối lượng gạo xuất khẩu;	1. Giảm tổn thất lúa xuống còn 5-6%; tăng tỷ lệ thu hồi gạo thành phẩm lên 69%; tỷ trọng gạo 5-10% tằm chiếm trên 70% tổng khối lượng gạo xuất khẩu; từ năm 2015, tỷ lệ hạt vàng không lớn hơn 0,2%; tỷ lệ hạt hư hỏng không lớn hơn 0,25%;
2. Giảm lượng tổn thất ngô xuống còn 12-13%;	2. Giảm lượng tổn thất ngô xuống còn 8-9%;
3. Giảm lượng tổn thất đậu tương xuống còn 5,5%;	3. Giảm lượng tổn thất đậu tương xuống còn 3,0%;
4. Giảm lượng tổn thất lạc xuống còn 4,5-5,0%;	4. Giảm lượng tổn thất lạc xuống còn 2,0-2,5%;
5. Tạo việc làm cho khoảng 240-250 nghìn lao động/năm;	5. Tạo việc làm cho khoảng 200 nghìn lao động/năm;
6. Góp phần cải thiện tình hình an ninh lương thực hộ gia đình; giảm tỷ lệ hộ nghèo lương thực, thực phẩm khu vực nông thôn xuống dưới 4% vào năm 2010.	6. Góp phần cải thiện thu nhập và nâng cao mức sống khu vực nông thôn, xóa hộ nghèo lương thực, thực phẩm.

Chiến lược nêu rõ các nội dung phát triển lĩnh vực sau thu hoạch lúa gạo,

ngô, đậu tương và lạc đến năm 2020 và các giải pháp chủ yếu để thực hiện.

## Đối tác cấp nước...

(tiếp theo trang 2)

chuyên môn về M&E (M&E TWG) với sự tham gia của các bên liên quan.

♦ Văn phòng Điều phối đã dự thảo 02 Bản tham chiếu: (I) là để xúc tiến thành lập Ban khoa học nhằm xác định những ưu tiên nghiên cứu cho lĩnh vực CN&VSNT và (II) là để xác định cách thức hỗ trợ của QHĐT trong việc làm rõ vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp của các cơ quan Trung ương trong lĩnh vực CN&VSNT.

♦ Phối hợp với một số đối tác quốc tế để hoàn thành và cho xuất bản tài liệu tham khảo trong lĩnh vực CN&VSNT.

♦ Trang Web của QHĐT CN&VSNT đang trong quá trình xây dựng. Hiện tại Văn phòng sử dụng Website của ISG để chuyển tải một số thông tin.

♦ Văn phòng điều phối QHĐT CN&VSNT đã chuẩn bị 06 bản tin hàng tháng kể từ tháng 9 năm 2006 đến tháng 2 năm 2007.

♦ Văn phòng điều phối đang tham vấn với Chương trình nước và vệ sinh (WSP) của Ngân hàng Thế giới và nhóm chịu trách nhiệm chuẩn bị tiến trình triển khai nhằm xác định vai trò của Quan hệ đối tác trong việc hỗ trợ xây dựng Chiến lược thống nhất và kế hoạch hành động cho ngành vệ sinh môi trường (U3SAP).

## Bộ trưởng Cao Đức Phát...

(tiếp theo trang 1)

đồng các nhà tài trợ vì sự hợp tác có hiệu quả và sự hỗ trợ quý báu cho ngành NN và PTNT trong năm 2006. Tham dự buổi gặp mặt đầu Xuân này có trên 150 đại biểu trong nước và quốc tế, trong đó có 40 đại sứ và trưởng đại diện các tổ chức quốc tế đang làm việc tại Việt Nam và có hỗ trợ cho ngành NN và PTNT.

Bộ trưởng Cao Đức Phát phát biểu "chúng ta đang bước vào năm 2007. Năm vừa qua chúng ta đã trải qua nhiều khó khăn và cũng đã đạt được

những kết quả lớn. Đó là nhờ có sự nỗ lực to lớn của toàn ngành và sự hợp tác hỗ trợ vô cùng quan trọng của cộng đồng quốc tế". Thay mặt Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ trưởng nhiệt liệt chào mừng các vị khách quý và bày tỏ lời cảm ơn tới tất cả đại biểu vì sự hợp tác, hỗ trợ hiệu quả và kịp thời trong thời gian qua.

Bộ trưởng cũng thông báo với các đại biểu về tình hình của ngành trong năm qua và nhiệm vụ trong năm 2007.

(Trích bài phát biểu của Bộ trưởng)

## Hội nghị Ban điều hành ISG...

(tiếp theo trang 1)

trợ của Văn phòng ISG và Hợp phần ICD-MSCP. Kế hoạch này đã trình Bộ phê duyệt và đang trong quá trình thực hiện.

Về các hoạt động của ISG, Văn phòng ISG đã trình bày Báo cáo hoạt động của ISG trong năm 2006 và Kế hoạch năm 2007. Các tài liệu này đã được BDH ISG phê duyệt ngay tại Hội nghị.

Hội nghị cũng đã nhất trí với đề xuất thay đổi nhân sự trong BDH ISG. Theo đề nghị của CARE tại buổi họp Ban điều hành lần thứ 12, tổ chức vào tháng 3 năm 2006 là nên có đại diện mới của cộng đồng các Tổ chức Phi chính phủ trong BDH ISG thay CARE để có thể thực hiện tốt vai trò là đại diện của cộng đồng NGO trong BDH ISG. Theo đó, Tổ chức Chăn nuôi và Thú y khu vực Châu Á (AVSF), do ông Patrice Gautier, Trưởng đại diện tại Việt Nam, kiêm Điều phối viên làm đại diện đã được chọn làm thành viên của BDH ISG.

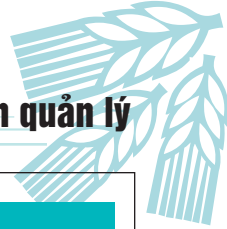
(Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ Văn phòng ISG).



**DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT VÀ KÝ KẾT 6 THÁNG CUỐI NĂM 2006**

STT	Tên dự án	Nhà tài trợ	Loại hình vốn			Thời gian thực hiện	Ký ngày
			KHL (USD)	Vay (USD)	Tổng (USD)		
1	Hỗ trợ kỹ thuật đồng tài trợ cho dự án quản lý rủi ro thiên tai	WB/RNE	8,500,000	0	8,500,000	2006 - 2012	T12/2006
2	Dự án bảo tồn các loài bò lớn hoang dã	AFD	696,000	0	696,000	2006 - 2008	20/02/2006
3	Dự án xây dựng khu cứu hộ các loài linh trưởng	Monkey-World Ape	479,000	0	479,000	2005 - 2008	07/09/2006
4	Dự án trồng rừng bảo vệ môi trường	JIFPRO	195,961	0	195,961	2006 - 2010	25/07/2006
5	Dự án mối liên hệ của kiến thức bản địa về năng cao sự kết hợp của chăn nuôi trong hệ thống nông nghiệp ở những cộng đồng khó khăn vùng cao	Pháp	180,000	0	180,000	2006 - 2007	24/07/2006
6	Dự án Nghiên cứu bền vững canh tác nông nghiệp ngoài thành sử dụng và tái sử dụng các nguồn dinh dưỡng nước trong các hệ thống nông trại nhỏ ven lộ ở Trung Quốc và Việt Nam	EC thông qua Trường đại học nông nghiệp Thủy Điển	181,024	0	181,024	-	26/06/2006
7	Cải thiện việc sản xuất lương thực, thực phẩm trên đất nghèo dinh dưỡng ở vùng ven biển miền trung Việt Nam CUD	Bỉ	41,729	0	42	-	
8	Dự án xây dựng cơ sở cách ly cứu hộ gấu tại Vườn Quốc gia Tam Đảo	AAF	220,000	0	220,000	2006	03/08/2006
9	Tăng cường năng lực địa phương nhằm giảm thiểu tác động của đường Hồ Chí Minh đối với môi trường tự nhiên và xã hội ở vùng trung Trường Sơn	WWF	202,630	0	202,630	2006 - 2007	18/10/2006
10	Dự án phát triển nước ngầm các tỉnh Tây Nguyên của Việt Nam	JICA	309,735	0	309,735	2006 - 2007	9/11/2006
11	Hỗ trợ hoạt động của các doanh nhân ở nông thôn tỉnh Đồng Nai	Bỉ	14,200	0	14,200	2006	06/06/2006
12	Thiết lập mạng lưới về cây ăn quả ít phổ biến ở Châu Á	DFID	26,262	0	26,262	2004 - 2006	16/06/2006
13	Cải thiện chất lượng sau thu hoạch cây ăn quả ôn đới ở Việt Nam và Ôxtrâyliya	AusAID	32,381	0	32,381	2005 - 2007	16/06/2006
14	Tăng cường năng lực thông tin phục vụ chính sách nông nghiệp (MISPA)	AFD	653,338	0	653,338	2006 - 2007	26/06/2006
15	Dự án HTKT xây dựng đối tác quản lý đất lâm nghiệp bền vững giai đoạn I	WB (GEF- PDFOB) TFF	783,600	0	783,600	2006 - 2008	26/06/2006
16	Tiếp nhận hỗ trợ khẩn cấp để mua sắm thiết bị, hoá chất, bảo hộ phòng chống dịch cúm gia cầm	RNE	104,250	0	104,250	2006	25/07/2006
17	Dự án xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển rừng nguyên liệu	TFF	47,400	0	47,400	2006	27/07/2006
18	Sử dụng quản lý đất quy mô thôn bản cho giảm nghèo của Việt Nam	AIC & CSSS	166,400	0	166,400	2006 - 2011	01/08/2006
19	Chương trình BUCAP 2006	SEARICE	115,735	0	115,735	2006 - 2007	02/08/2006
20	Đào tạo và khuyến nông dựa vào cộng đồng tại các huyện Miền núi	ADB/JFPR	900,000	0	900,000	2006 - 2009	07/08/2006
21	Dự án điều tra đánh giá thực trạng nguồn giống và tuyển chọn nguồn giống mới. Đề xuất quy hoạch mạng lưới nguồn giống cây lâm nghiệp phục vụ cho việc xây dựng hệ thống nguồn giống chất lượng cao tại Việt Nam	TFF	57,600	0	57,600	2006 - 2007	17/08/2006
22	Nghiên cứu tác động của hội nhập kinh tế đến sinh kế và quản lý rừng của người dân địa phương miền núi ở Việt Nam: trường hợp nghiên cứu điển hình ở Đắk Lắk, Quảng Nam và Hà Giang	TFF	50,400	0	50,400	2006 - 2007	17/08/2006
23	Đánh giá thiệt hại kinh tế và tính khả thi khống chế bệnh sán lá gan lớn trong chăn nuôi bò ở đồng bằng sông Hồng, Việt Nam	USAID	94,000	0	94,000	2006 - 2008	27/09/2006
24	Dự án phục hồi và quản lý rừng bền vững tại Tỉnh Bắc Giang - Quảng Ninh và Lạng Sơn pha III	KFW	3,600,000	0	3,600,000	2006 - 2013	18/10/2006
25	Dự án HTKT: nâng cao năng lực cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm	WB/PHRD	602,000	0	602,000	2006 - 2007	27/10/2006
26	Hỗ trợ khẩn cấp công tác khống chế cúm gia cầm động lực cao ở Việt Nam (OSRO/VI/601/IRE)	FAO/Ireland	314,000	0	314,000	2006 - 2007	09/11/2006
27	Phát triển hệ thống quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính	NIAS	25,000	0	25,000	2006 - 2008	16/11/2006
28	Dự án nâng cao năng lực cộng đồng và phát triển nông thôn tại xã Xuân An, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ	CORDAID	190,196	0	190,196	2007 - 2008	30/11/2006
29	Dự án nghiên cứu xây dựng khuyến nghị chính sách hỗ trợ phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp - Giai đoạn I	AECI	239,040	0	239,040	2006 - 2010	13/11/2006
30	Dự án phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây nguyên (ADB2)	ADB	0	45,000,000	45,000,000	2007 - 2012	07/12/2006
31	Tăng cường thể chế cho trung tâm quản lý tưới có sự tham gia và hỗ trợ cho 2 dự án cơ sở hạ tầng Ninh Thuận và Sơn La	AFD	0	1,151,612	1,151,612	2007 - 2010	24/20/2006
32	Khai thác khả năng tài trợ cho bảo tồn rừng và cải thiện sinh kế thông qua quản lý rừng bền vững: nghiên cứu trường hợp tại VQG Bạch Mã và vùng đệm tỉnh Thừa Thiên Huế	TFF	114,108	0	114,108	2007 - 2008	T12/2006
33	Hỗ trợ các hoạt động giám sát việc thực hiện đổi mới lâm trường quốc doanh	TFF	72,000	0	72,000	2007 - 2009	T12/2006
34	Dự án Thủy lợi miền Trung	ADB	0	74,300,000	74,300,000	2006 - 2010	Trước 19/T12/2006
35	Tăng cường phòng chống cúm gia cầm động lực cao và nâng cao nhận thức cộng đồng (OSRO/RAS/602/JP)	FAO/JAPAN	2,000,000	0	2,000,000	2006 - 2007	T12/2006
36	Hỗ trợ trực tiếp nhằm nâng cao sự chuẩn bị sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp để ứng phó với cúm gia cầm động lực cao (OSRO/RAS/604/USA)	FAO/USA	2,000,000	0	2,000,000	2006 - 2007	T12/2006
37	Chương trình "Tăng cường quản lý khẩn cấp sức khỏe cộng đồng tại Việt Nam - tập trung vào việc phòng chống bệnh dịch có nguy cơ phát dịch, bao gồm bệnh cúm gia cầm độc lực cao (HPAI)" giai đoạn II	UNDP/FAO/WHO	16,212,441	0	16,212,441	2006 - 2010	T12/2006
38	Dự án hỗ trợ chương trình ngành về cấp nước và vệ sinh Việt Nam	AusAID DANIDARNE	125,000,000	0	125,000,000	2006 - 2011	06/12/2006
39	Hỗ trợ tăng cường năng lực trường Đại học Thủy Lợi	DANIDA	400,000	0	400,000	2006 - 2007	T12/2006
40	Xây dựng hệ thống quan trắc rừng ngập mặn ven biển (Quảng Ninh - Quảng Nam)	DANIDA	490,000	0	490,000	2006 - 2007	T12/2006
41	Dự án hỗ trợ nghiên cứu xây dựng một số văn bản và tài liệu hướng dẫn chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2006 - 2010	DANIDA	83,000	0	83,000	2006 - 2007	07/12/2006
42	Bảo tồn và phát triển tài nguyên di truyền thực vật trong vườn gia đình ở vùng nông thôn miền bắc Việt Nam với sự tham gia của cộng đồng	FF	58,600	0	58,600	2006 - 2008	15/12/2006
43	Phổ cập và đào tạo nông lâm nghiệp vùng cao - Pha bắc cầu	SDC	990,000	0	990,000	2006 - 2007	30/10/2006
<b>Tổng cộng:</b>			<b>166,400,251</b>	<b>120,451,612</b>	<b>286,851,864</b>		

1Euro = 1.2 USD  
 1 CND = 0.8 USD  
 1 DKK = 0.583 USD  
 1 USD = 0.7 USD  
 113 Y = 1 USD



**DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KÝ KẾT TRONG NĂM 2007**

STT	Tên dự án	Nhà tài trợ	Nhà tài trợ			Thời gian thực hiện
			KHL (USD)	Vay (USD)	Tổng (USD)	
1	Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm	WB	0	65,000,000	65,000,000	2007- 2011
2	Dự án Đa dạng hoá nông nghiệp II	WB và AFD	0	85,000,000	85,000,000	2007 - 2011
3	Nâng cấp đê biển Bắc Trung Bộ	WB	0	100,000,000	100,000,000	2007- 2011
4	Hệ thống quan trắc rừng phòng hộ ven biển bắc bộ	DANIDA	480,000	0	480,000	2006-2008
5	Đào tạo tăng cường năng lực khuyến nông theo hướng thị trường cho hệ thống khuyến nông cơ sở vùng đồng bằng sông Hồng	Vùng Wallonie-Bỉ	876,000	0	876,000	2007-2009
6	Hỗ trợ dịch cúm gia cầm	EC	10,000,000	0	10,000,000	2007-
7	Dự án phát triển nông thôn Điện Biên - Lai Châu	EC	10,000,000	0	10,000,000	2007 -
8	Dự án bảo tồn dãy Trường Sơn	EC	3,000,000	0	3,000,000	2007 -
9	Quản lý Vườn Quốc gia Tam Đảo và vùng đệm giai đoạn II	GTZ	3,000,000	0	3,000,000	2006 - 2009
10	Hỗ trợ sản xuất khoai tây giai đoạn III	GTZ	600,000	0	600,000	2007-2010
11	Dự án hỗ trợ chương trình khí sinh học cho ngành chăn nuôi Việt Nam	SNV	4,920,000	0	4,920,000	2007-2010
		KFW	0	12,000,000	12,000,000	
12	Tăng cường năng lực giám sát dịch tễ bệnh bò điên và các bệnh lây từ động vật sang người	SDC	1,200,000	0	1,200,000	2007-2008
13	Phát triển nông thôn khu vực phía bắc Việt Nam ứng dụng phương pháp phát triển nông thôn theo vùng lãnh thổ	TBN	360,000	0	360,000	2007 - 2010
14	Nâng cao năng lực chế biến và phát triển ngành nghề thủ công phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở nông thôn Việt Nam	JICA	3,000,000	0	3,000,000	2007 - 2010
15	Tăng cường năng lực phát triển nông nghiệp nông thôn có sự tham gia của người dân ở Tây Nguyên	JICA	0	0	0	2007
16	Nghiên cứu quản lý toàn diện thiên tai miền Trung Việt Nam	JICA	0	0	0	2007 - 2011
17	Dự án trồng rừng trên đất cát ven biển miền Trung	JICA	5,000,000	0	5,000,000	2007 - 2012
18	Dự án tăng cường năng lực để xúc tiến trồng rừng và tái tạo rừng theo cơ chế CDM ở Việt Nam	JICA	1,500,000	0	1,500,000	2007 - 2008
19	Nghiên cứu về ký sinh trùng trên gan cừu	USDA	100,000	0	100,000	2006 - 2007
20	Dự án TA hỗ trợ giáo dục và đào tạo NN dựa vào cộng đồng tại các huyện Miền núi	JFPR, Nhật Bản thông qua ADB	900,000	0	900,000	2006 - 2009
21	Dự án khoa học công nghệ nông nghiệp	ADB	0	30,000,000	30,000,000	2007 - 2009
22	Dự án Thủy lợi miền trung (ADB4)	ADB	0	74,286,000	74,286,000	2006 - 2011
23	Tăng sức sản xuất nông nghiệp của một số vùng đất thoái hoá, thiếu nước của Việt Nam	FAO	334,500	0	334,500	2006 -2007
24	Chương trình hỗ trợ ngành nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ARD-SPS)	DANIDA	17,400,000	0	17,400,000	2007 - 2012
25	Nâng cao chất lượng & an toàn nông sản (TA)	ADB	500,000	0	500,000	2007 - 2008
26	Dự án khắc phục hậu quả thiên tai năm 2005	ADB	0	51,000,000	51,000,000	2006 - 2008
27	Dự án phát triển và kinh doanh rừng trầm trên đất chua phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long	JBIC	0	30,000,000	30,000,000	2007 - 2012
28	Hỗ trợ Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía bắc (NoMAFSI) trong phát triển phương pháp tiếp cận sinh thái nông nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và tính bền vững của các hệ thống canh tác với chè là cây trồng chính ở vùng trung du miền núi phía Bắc	AFD	0	1,390,404	1,390,404	2007 - 2011
29	Xây dựng, thí điểm và thể chế hoá các chương trình đào tạo quốc gia ngắn hạn để tăng cường năng lực cho các cơ quan ban ngành trong ngành bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và thi hành luật pháp có liên quan đến lĩnh vực này	Quỹ TFF	341,591	0	341,591	2007 - 2009
30	Thí điểm phương pháp sử dụng đa mục đích đối với quản lý rừng	Quỹ TFF	1,111,310	0	1,111,310	2007-2010
31	Hỗ trợ tăng cường năng lực Lâm nghiệp ở vùng Sinh thái Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Việt Nam	Quỹ TFF	4,859,104	0	4,859,104	2007 - 2011
32	Chương trình bảo tồn đa dạng sinh học khu vực Châu Á	Winrock	4,886,311	0	4,886,311	2007-2010
33	Dự án xây trung tâm cứu hộ gấu	AAF	2,600,000	0	2,600,000	2007 - 2027
34	Dự án quản lý thủy lợi (TA)	ADB	500,000	0	500,000	2007 - 2008
35	Cải tiến nguồn hạt giống và sản xuất lúa cho an toàn lương thực của vùng đồi núi cao ở Việt Nam	FAO	365,080	0	365,080	2007 - 2009
36	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung (TA)	ADB	600,000	0	600,000	2007 - 2008
37	Dự án phòng chống cúm gia cầm và phòng đại dịch cúm ở người	WB	15,000,000	20,000,000	35,000,000	2007- 2010
38	Hỗ trợ kỹ thuật đồng tài trợ cho dự án QLRRTT	WB/AusAID	6,500,000	0	6,500,000	2007- 2012
39	Cấp nước và môi trường nông thôn năm 2007	UNICEF	1,400,000	0	1,400,000	2007
40	Hợp tác song phương tài nguyên nước giữa hai chính phủ Việt Nam - Hà Lan	RNE	3,648,000	0	3,648,000	2007-2010
41	Thông tin thị trường nông nghiệp	CIDA	3,920,000	0	3,920,000	2006 - 2011
42	Phổ cập và đào tạo nông lâm nghiệp vùng cao (ETSP)	SDC	3,500,000	0	3,500,000	2007 - 2012
<b>Tổng cộng</b>			<b>112,401,896</b>	<b>468,676,404</b>	<b>581,078,300</b>	

### Lễ ra mắt nhóm công tác đặc biệt toàn cầu về Cấp nước và Vệ sinh Môi trường của UNICEF

**N**gày 22 tháng 01 năm 2007, tại trụ sở của UNICEF tại New York đã diễn ra buổi lễ ra mắt Nhóm Công tác đặc biệt Toàn cầu về Cấp nước và Vệ sinh Môi trường của UNICEF. Tham dự buổi lễ này gồm có đại diện một số nước, đại diện một số tổ chức của Liên Hợp Quốc (LHQ), đại diện một số nhà tài trợ của UNICEF và các quan chức của UNICEF về Chương trình Cấp nước và Vệ sinh Môi trường (VSMT), đại diện các khu vực trên thế giới. Đoàn Việt Nam do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Ngọc Thuật đại diện cho Việt Nam tham dự và có bài phát biểu tại buổi

lễ này. Nhóm công tác đặc biệt của UNICEF được thành lập nhằm mục tiêu hỗ trợ UNICEF vận hành Chiến lược Toàn cầu về Cấp nước và VSMT giai đoạn 2006 - 2015. Tại buổi lễ, Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Thuật đã bày tỏ sự ủng hộ của Việt Nam đối với chiến lược của UNICEF về Cấp nước và VSMT nói chung và việc thành lập nhóm công tác đặc biệt toàn cầu nói riêng. Thứ trưởng cũng đã giới thiệu tới Hội nghị những thành tựu đã đạt được của Việt Nam trong lĩnh vực Cấp nước và VSMT trong thời gian qua và các định hướng, chiến lược cho thời gian tới. Thứ trưởng

cũng đã nêu ra những thách thức mà Việt Nam sẽ gặp phải trong việc thực hiện chiến lược Quốc gia cũng như Chiến lược toàn cầu của UNICEF về Nước sạch và VSMT để đáp ứng mục tiêu phát triển của Việt Nam và mục tiêu thiên niên kỷ của LHQ. Thứ trưởng đánh giá cao những đóng góp của UNICEF và cộng đồng các nhà tài trợ Quốc tế vì những giúp đỡ trong thời gian qua và mong muốn hợp tác đầy mạnh hơn nữa các chương trình Cấp nước và VSMT của Việt Nam trong thời gian tới. Các đại biểu đã bày tỏ sự quan tâm cao đến bài học kinh nghiệm của Việt Nam. Một số nước Châu Phi như



Malawi, Uganda mong có cơ hội để đến thăm và học hỏi ở Việt Nam. Hưởng ứng Năm vệ sinh môi trường của LHQ 2008, Việt Nam sẽ có nhiều hoạt động như tuyên truyền, kêu gọi đầu tư, mà cụ thể nhất là sẽ đẩy mạnh hơn nữa triển khai thực hiện các dự án về Cấp nước và VSMT ngay từ năm 2007.

## Cập nhật tình hình thực hiện các nhiệm vụ hội nhập quốc tế của Bộ NN và PTNT

**D**ưới đây là tóm tắt các công việc đã triển khai để thực hiện các nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế của ngành NN và PTNT:

Hoàn thiện và ban hành Kế hoạch Hành động về HNK-TQT của ngành Nông nghiệp và PTNT:

⇒ Trong quý 1/2007, Bộ NN và PTNT (Vụ HTQT) đã phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp và hoàn thiện Chương trình hành động ngành NN và PTNT về HNK-TQT giai đoạn 2007-2001 và đã được Bộ trưởng phê duyệt kèm theo Quyết định số 612/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/03/2007. Chương trình hành động chủ yếu tập trung vào các nội dung cơ bản sau:

- Tuyên truyền nâng cao hiểu biết cho toàn ngành NN & PTNT về hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực

- Tăng cường năng lực cho các cán bộ của ngành tham gia công tác hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

- Nghiên cứu chính sách

- Điều chỉnh hệ thống pháp luật

- Thực hiện các cam kết với WTO

- Thực hiện các cam kết và công ước/ thỏa thuận quốc tế

- Hướng dẫn các Sở NN & PTNT cùng các Doanh nghiệp của Bộ triển khai xây dựng Chương trình hành động cụ thể của đơn vị mình.

⇒ Xây dựng chương trình hành động quốc gia thực hiện Hiệp định SPS: hoàn thành việc xây dựng Dự thảo, đã lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành liên quan. Hiện nay dự thảo này đã được trình Bộ để phê duyệt và trình Chính phủ.

⇒ Khuyến nghị chọn mô

hình quản lý và vận hành về SPS, của 2 ngành Thú y và BVTV.

⇒ Biên soạn và in tài liệu về các cam kết với WTO trong ngành nông nghiệp để phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến

⇒ Tuyên truyền phổ biến những cam kết về HNK-TQT trong ngành nông nghiệp và PTNT: Hiệp định Nông nghiệp, Hiệp định SPS; Kết quả đàm phán FTA giữa ASEAN với các nước đối tác (Trung quốc, Nhật bản, Hàn quốc, Úc/New Zealand, Ấn Độ).

Thực hiện các cam kết trong WTO

- Thực hiện nghĩa vụ về minh bạch hoá của Hiệp định SPS/WTO: xây dựng cơ sở dữ liệu về các thông báo SPS trong và ngoài nước; tăng cường trang thiết bị cho các điểm hỗ trợ kỹ thuật thuộc

mạng lưới SPS.

Kết hợp với Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ mời chuyên gia pháp lý làm việc với Văn phòng SPS Việt Nam và các Bộ, ngành (từ 13-22/3/2007) xem xét các văn bản QPPL liên quan đến VSATTP và kiểm dịch động thực vật.

- Đảm bảo tính tương đương: Xây dựng quy trình đánh giá tính tương đương của các biện pháp SPS; Đào tạo kỹ năng đàm phán về tương đương; Đàm phán, ký kết hiệp định công nhận tương đương về SPS với các nước; và các hoạt động tăng cường năng lực SPS.

Ngoài ra, Bộ NN và PTNT cũng đã có nhiều hoạt động nhằm kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cho ngành. Bộ cũng tham gia đàm phán Khu vực mậu dịch tự do và các thỏa thuận quốc tế khác.



## Đánh giá thực hiện kế hoạch...

(tiếp theo trang 8)

ngành trong bối cảnh hội nhập vào nền kinh tế và thương mại thế giới.

- Quản lý các dự án đầu tư đang được đổi mới để tăng hiệu quả đầu tư, chống thất thoát lãng phí. Quá trình tăng cường quản lý đầu tư cũng đã tạo điều kiện tăng thu hút vốn đầu tư vào khu vực Nông nghiệp nông thôn.

- Tuy nhiên trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2006 còn những hạn chế, quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất ngành diễn ra chậm, nhận thức về tác động khi gia nhập WTO đối với ngành nông nghiệp rất hạn chế vì vậy thiếu sự thay đổi mạnh và kịp thời.

- Hệ thống cung cấp các dịch vụ nông nghiệp chưa theo kịp đòi hỏi của yêu cầu sản xuất trong nền kinh tế thị trường, việc kiểm soát chất lượng sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp chưa chặt chẽ.

- Quá trình đổi mới doanh nghiệp và các loại hình tổ chức sản xuất khác trong khu vực nông nghiệp nông thôn diễn ra chậm và chưa thực sự chủ động thực hiện đổi mới để tăng năng lực cạnh tranh.

- Xoá đói giảm nghèo ở nông thôn đạt tốc độ khá nhưng chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo vẫn còn tiềm ẩn cả ở những đối tượng nghèo và những đối tượng chịu tác động của quá trình phát triển.

- Cải cách hành chính ở các cấp vẫn đang gặp những khó khăn, chuyển biến chậm đang là một thách thức lớn đối với mục tiêu tăng cường năng lực và hiệu năng của Bộ máy hành chính.

### Những định hướng cơ bản trong năm 2007

#### Chỉ tiêu phát triển năm 2007:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng khu vực nông lâm nghiệp đạt 3% trong đó nông nghiệp 2,9-3%, lâm nghiệp 1%.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp: giá trị sản xuất trồng trọt 68%, chăn nuôi 26%, dịch vụ 6%.

- Kim ngạch xuất khẩu nông lâm sản tăng từ 5,5-6% (đạt từ 7,4 tỷ USD)

- Khoản bảo vệ rừng 2 triệu ha, khoanh nuôi tái sinh rừng trên 700 ngàn ha, trồng rừng tập trung 200 ngàn ha trong đó rừng sản xuất 150

ngàn ha;

- Tỷ lệ dân được dùng nước sạch đạt 70% (tăng 4% so năm 2006)

#### Các biện pháp ưu tiên trong năm 2007

1. Thúc đẩy mạnh mẽ việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ, hệ thống cung cấp dịch vụ kỹ thuật làm cơ sở tăng năng suất - chất lượng - hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm nghiệp;

Tiến hành sắp xếp và tăng cường năng lực các Viện và tổ chức nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ;

Tăng cường hệ thống khuyến nông làm cơ sở. Đảm bảo mỗi xã có ít nhất 1 cán bộ khuyến nông;

2. Đổi mới phương thức giám sát đánh giá đầu tư, tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ nguồn của Nhà nước, chống thất thoát, dàn trải, kéo dài; huy động cao các nguồn vốn khác đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn;

Tiếp tục đẩy mạnh việc giao đất, khoán rừng trong lâm nghiệp;

3. Chương trình xúc tiến thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế

4. Chương trình đào tạo đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới và tăng cường công tác quản lý nhà nước ngành nông nghiệp, tổ chức thực hiện tốt các Luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

Hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước toàn ngành, thống nhất từ Bộ xuống địa phương.

Tăng cường phân cấp cho cấp tỉnh, thành phố đầu tư phát triển và quản lý các cơ sở công nghiệp chế biến, các hệ thống thủy lợi, dịch vụ gắn với địa bàn sản xuất để chỉ đạo sâu sát, chủ động, kịp thời, tạo hành lang thông suốt từ sản xuất, chế biến tới thị trường;

Tập trung hơn nữa cho công tác nghiên cứu xây dựng hệ thống luật và cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn.

(Trích báo cáo của Bộ NN và PTNT tại Hội nghị Ban điều hành ISG ngày 24 tháng 1 năm 2007)

## Tình hình thực hiện các hiệp định trong hợp tác Nam - Nam

Từ năm 1997 đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ký 6 Hiệp định thỏa thuận hợp tác ba bên giữa Việt Nam - FAO và Senegal, Benin, Madagascar, Congo, Lào và Mali (các nước chủ nhà) để thực hiện chương trình đặc biệt về an ninh lương thực tại các nước thiếu lương thực có thu nhập thấp (PSSA). Trong các Hiệp định được ký kết, Senegal là nước duy nhất triển khai được hợp tác từ năm 1997. Các nước Congo, Madagascar, Benin các hoạt động chỉ thực hiện từ năm 2001. Riêng với Lào, hợp tác Nam-Nam được triển khai từ năm 2003 đến nay.

Mục tiêu chính của sự hợp tác trong khuôn khổ Chương trình đặc biệt về an ninh lương thực (PSSA) là giúp Chính phủ chủ nhà xác định, xây dựng và triển khai các hoạt động về quản lý nước, thâm canh bền vững hệ thống trồng trọt với ưu thế về trồng ngũ cốc, rau quả, cà phê, cây có củ, chăn nuôi gia súc, nuôi ong, chế biến nông sản, đánh bắt cá nội địa và nuôi cá.

Chính phủ Việt Nam giao cho Bộ NN và PTNT tuyển chọn, cử các chuyên gia và kỹ thuật viên có đủ trình độ chuyên môn kỹ thuật theo yêu cầu của nước chủ nhà. Các chuyên gia được tuyển chọn đảm bảo yêu cầu về đạo đức, chuyên môn, ngoại ngữ và sức khỏe. Trong 9 năm thực hiện hiệp định Bộ Nông nghiệp và PTNT đã cử 421 chuyên gia và kỹ thuật viên sang làm việc, cụ thể như sau: Senegal: 270 người; Congo: 49 người; Madagasca: 47 người; Benin: 36 người; Lào: 7 người, Mali: 12 người).

#### Triển vọng hợp tác:

1. Hiện nay, Tổng Giám đốc FAO đề nghị Chính phủ Việt Nam cử 20 chuyên gia và 80 kỹ thuật viên nông nghiệp sang làm việc tại Benin. Chính phủ Việt Nam đã chấp thuận và Bộ NN và PTNT đã gửi thư chính thức cho Tổng Giám đốc FAO khẳng định sẵn sàng cung cấp số lượng chuyên gia trên. Hiện ta đang yêu cầu FAO tổ chức đoàn cùng Bộ NN và PTNT Việt Nam sang Benin để chọn địa điểm và xây dựng Hiệp định hợp tác.

2. Hiện còn nhiều nước Châu Phi như Tanzania, Môdambích, Tôgô... cũng đang đề nghị ta cử chuyên gia sang giúp bạn trong những lĩnh vực trồng lúa, sản xuất cà phê, thủy lợi, kỹ thuật chế biến nông sản, v.v.

Trích báo cáo của Bộ NN và PTNT về Hợp tác Nam-Nam (tháng 3-2007)

# Đánh giá Thực hiện kế hoạch PTNN - NT 2006 - 2010

Năm 2007 là năm thứ hai của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, đây là năm bắt đầu thực hiện các cam kết WTO, có nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức đặt ra đối với phát triển nông nghiệp nông thôn. Với những kết quả thực hiện kế hoạch năm 2006, thành quả và kinh nghiệm của hơn 20 năm đổi mới, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp & PTNT, các địa phương và các đơn vị sản xuất, cung cấp dịch vụ trong khu vực nông nghiệp nông thôn cần chủ động hội nhập, tranh thủ sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế để tiếp tục phát triển.

## Bối cảnh thực hiện kế hoạch năm 2006

Năm 2006 là năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, ngành NN & PTNT triển khai thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức như: thời tiết diễn biến bất lợi, dịch bệnh cây trồng vật nuôi diễn ra phức tạp, bão lũ thất thường nhất là ở các tỉnh miền Trung và Nam Bộ; giá vật tư đầu vào tăng cao, v.v...

Tuy vậy, Bộ Nông nghiệp & PTNT đã cùng phối hợp với các Bộ ngành và các địa phương triển khai nhiều biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa những tác động tiêu cực, chủ động tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu nên nông nghiệp, nông thôn năm 2006 đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Chiến lược hành động trong kế hoạch 5 năm 2006-2010 tập trung triển khai thực hiện các chương trình trọng điểm:

1. Thực hiện hiện đại hoá nông nghiệp.
2. Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản
3. Tập trung đầu tư nâng cấp, hiện đại hoá công trình hạ tầng nông thôn.
4. Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo lũ lụt, tăng khả năng dự phòng, đối phó phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.
5. Xây dựng và phát triển nông thôn mới;

## Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2006

1. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng sản xuất phi nông nghiệp, tăng

tỷ trọng sản phẩm hàng hoá, và sản phẩm được chế biến.

2. Quá trình chuyển dịch sản xuất nông lâm nghiệp và ngành nghề nông thôn tiếp tục diễn ra theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

3. Tuy bị ảnh hưởng của dịch bệnh gia súc, trong năm 2006 số lượng đàn bò vẫn tăng mạnh, đàn lợn và gia cầm có giảm nhưng mức giảm không lớn.

4. Lâm nghiệp đã được chú trọng đầu tư phát triển đa dạng, bên cạnh việc đầu tư trồng mới, khoanh nuôi tái sinh rừng, hướng vào khai thác tổng hợp.

5. Tỷ trọng chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn tiếp tục tăng trong cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn, đã góp phần tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập từ phi nông nghiệp cho dân cư nông thôn.

6. Nhiều biện pháp đối phó với sự biến động của thị trường vật tư nông nghiệp đã được triển khai, doanh nghiệp và nông dân đã chủ động tiếp cận thị trường, tìm biện pháp để cải

thiện tình hình tiêu thụ sản phẩm.

7. Tình hình quản lý xây dựng cơ bản đã có sự cải thiện đáng kể, quy trình thủ tục thực hiện được theo dõi và giám sát chặt chẽ, đảm bảo công khai và minh bạch hơn.

8. Đã có bước chuyển biến mới trong triển khai các chương trình phát triển nông thôn, phát triển thể chế nông thôn và thực hiện các chương trình cải thiện điều kiện sống dân cư nông thôn gắn với xoá đói giảm nghèo.

## Đánh giá chung:

- Mặc dù năm 2006 triển khai thực hiện kế hoạch phát triển ngành trong bối cảnh có những khó khăn song nhìn chung các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển nông nghiệp -nông thôn trong năm 2006 đều đạt xấp xỉ hoặc vượt so với năm 2005 và so với chỉ tiêu kế hoạch.

- Phát triển ngành đang hướng tới tăng chất lượng sản phẩm và tăng chất lượng các dịch vụ. Ngành nông nghiệp thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu và quy mô sản xuất để tăng năng lực sản xuất và năng lực cạnh tranh

(tiếp trang 7)

Ngày 25 tháng 01 năm 2007, Bộ NN và PTNT đã có Tờ trình số 269/TTr-BNN-ĐD lên Thủ tướng Chính phủ Dự thảo Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 đề nghị xem xét và phê duyệt. Mục tiêu chung của Chiến lược là (i) giảm tổn thất về người và tài sản, và (ii) đảm bảo phát triển bền vững đất nước. Trong bản Dự thảo Chiến lược, Bộ NN và PTNT đã đưa ra những chương trình, dự án, đề án ưu tiên cấp quốc gia trong từng lĩnh vực như: phân vùng đánh giá rủi ro thiên tai, lập quy hoạch, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, nâng cao nhận thức cộng đồng, các biện pháp công trình và phi công trình. Ước tính kinh phí để thực hiện các chương

## Bộ Nông nghiệp và PTNT trình Chính phủ Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020

trình, dự án, đề án khoảng 30.000 tỷ đồng từ các nguồn vốn: ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn vay ODA, đầu tư trực tiếp FDI, vốn đóng góp của cộng đồng và vốn huy động hợp pháp khác. Trong quá trình xây dựng Chiến lược, Bộ

Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức:

- Đánh giá bản Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về Giảm nhẹ Thủy tai lần thứ nhất năm 1994
- Tổ chức nghiên cứu và tham khảo các nghiên cứu đã thực hiện về thiên tai
- Tổ chức các nghiên cứu về thiên tai theo từng chuyên đề
- Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản từ Bộ, ngành, địa phương, và các chuyên gia đối với các dự thảo báo cáo chiến lược.
- Tổ chức hội thảo tại 3 khu vực phía Bắc, miền trung và phía Nam; và 5 cuộc hội thảo tư vấn cấp quốc gia và quốc tế. Bản dự thảo hiện đang được Chính phủ xem xét và dự kiến sẽ sớm được phê duyệt vào cuối tháng 4, đầu tháng 5 năm 2007.

Giấy phép xuất bản số: 10/GP-XBBT, ngày 23/03/2007, Cục Báo chí - Bộ Văn hóa Thông tin

In tại Công ty in Sao Việt, Việt Nam

Ý kiến đóng góp xin gửi về: Văn phòng ISG - phòng 209 - 210, A9, 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Tel: 04 7336610 ❖ Fax: 04 7336624 ❖ Email: isginfo@fpt.vn ❖ Website: www.isgmard.org.vn